TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐG** **TỈNH KON TUM** Số: 05/2019/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *ĐG, ngày 05 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/TLST-DS ngày 01/04/2019.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày để từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ngọc T; sinh ngày: 1984; Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn ĐR, huyện Kon R, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Chị Y L; sinh ngày: 26/02/1982; Địa chỉ: Số 444 đường Hùng V, thị trấn ĐG, huyện ĐG, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Y L phải trả cho chị Phan Thị Ngọc T số tiền nợ gốc: 252.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu đồng).

Tiền lãi suất phát sinh; về thời gian tính từ ngày bắt đầu nộp đơn tại Toà án (Ngày 01/04/2019) đến ngày có bản án, quyết định của Toà án là 6 tháng; về lãi suất tính theo quy định của pháp luật là: 10%/năm = 10%/12 = 0.833%. 252.000.000 đồng x 6 tháng x 0.833% = 12.594.960 đồng. Tuy nhiên, chị Phan Thị Ngọc T chỉ yêu cầu chị Y L phải trả cho chị số tiền lãi là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); Tổng số tiền chị Phan Thị Ngọc T đòi chị Y L phải trả là 252.000.000 đồng + 6.000.000 đồng = 258.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu đồng); và trả yêu cầu trả 01 (một) lần.

Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự: Kể từ ngày chị Phan Thị Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án; nếu chị Y L không trả hoặc trả chưa hết số tiền phải thi hành án nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi suất 10% /năm tính theo số tiền phải trả và thời gian chậm trả.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; các khoản 2, 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

Các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; các đương sự phải nộp 50% tiền án phí. Chị Y L thoả thuận với chị Phan Thị Ngọc T: Chị Y L nộp toàn bộ 50% tiền án phí nêu trên; do đó buộc chị Y L phải nộp số tiền án phí: 6.450.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà Nước. Chị Phan Thị Ngọc T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí: 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số: AA/2010/004594 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện ĐăkGlei tỉnh Kon Tum; nhận lại tiền tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện ĐG tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG;
- Thi hành án dân sự huyện ĐG;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN